TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HXÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 101 /2022/QĐST - HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên họp: Bà Trịnh Thị Thiện

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 156/2022/TLST - HNGĐ ngày 23/8/2022 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn",* Theo Quyết định mở phiên họp số 100/2022/QĐ-TA ngày 12/9/2022 gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Chị Phan Thị S, sinh ngày 16/4/1983; HKTT: Thôn 7, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Phan Đình H, sinh ngày 15/9/1981; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 7, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc - Vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phan Thị S trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị S và anh Phan Đình H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó, vì cuộc sống kinh tế khó khăn, cả hai đều phải đi xuất khẩu lao động, chị S đi xuất khẩu lao động tại Suziman, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng sống cách xa nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thiếu sự quan tâm và chia sẽ với nhau, tình cảm dần phai nhạt. Đã hơn 6 năm nay vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm gì tới nhau, chị S không biết địa chỉ cụ thể của anh H tại Hàn Quốc, chị cũng đã có ý định ly hôn nhưng chưa về Việt Nam để giải quyết ly hôn được. Do đó, khi có dịp về Việt Nam vào cuối tháng 6/2022, chị đã làm đơn ly hôn đề

nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn để vợ chồng không còn sự ràng buộc về pháp lý, có điều kiện tự do tìm hiểu xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung cháu Phan Đình H1, sinh ngày 10/5/2003, Phan Đình T, sinh ngày 06/10/2005, Phan Như B, sinh ngày 27/01/2018. Cháu Phan Đình H1 hiện đã trưởng thành có thể tự lo cuộc sống của mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phan Đình T và Phan Như B từ khi vợ chồng đi lao động nước ngoài đến nay hai vợ chồng đều thống nhất giao hai cháu cho O Phan Thị H2(em gái anh Phan Đình H) sống tại B, L chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại, hai cháu sống ổn định và được ăn học đầy đủ, điều kiện sống đảm bảo tốt. Vì vậy, khi ly hôn chị S có nguyện vọng tiếp tục giao hai cháu cho chồng Phan Đình H chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh Hđang lao động tại Hàn Quốc hai cháu Phan Đình T và Phan Như B tiếp tục sống cùng O Phan Thị H2 tại Bảo Lộc, Lâm Đồng . Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phan Đình H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và được người thân của anh nhận thay. Quá trình xác minh người thân của anh Hcung cấp thông tin hiện nay anh đang lao động tại Hàn Quốc nhưng không có địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh Hsau khi biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn cũng hoàn toàn nhất trí như yêu cầu ly hôn của chị S.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 26/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, Công văn số 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao: Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị S và anh Phan Đình H; Về con chung: Cháu Phan Đình H1 hiện đã trưởng thành có thể tự lo cuộc sống của mình nên miễn xét. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Phan Thị S và anh Phan Đình H: Giao con chung Phan Đình T, sinh ngày 06/10/2005, Phan Như B, sinh ngày 27/01/2018 cho anh Phan Đình H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); trong thời gian anh H đang lao động tại Hàn Quốc hai cháu Phan Đình T và Phan Như B tiếp tục sống cùng O Phan Thị H2 tại Bảo Lộc, Lâm Đồng. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét, chị S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Phan Thị S và anh Phan Đình H, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 15087/QLXNC-P5 ngày 20/7/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện: Anh Phan Đình H, sinh ngày 15/9/1981, CMTND số 183223404, Hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất nhập cảnh 3 lần, xuất cảnh gần đây nhất vào ngày 19/10/2017 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, các Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Phan Thị S và anh Phan Đình H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Để đảm bảo giải quyết vụ việc đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Phan Đình H thông qua ông Phan Đình S và bà Trần Thị L (bố mẹ đẻ anh H) và được ông bà cung cấp thông tin hiện nay anh Phan Đình H đang lao động tại Hàn Quốc và thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của anh H tại Hàn Quốc gia đình không rõ. Tòa án đã kết nối điện thoại qua cuộc gọi hình ảnh trên ứng dụng messenger với sự chứng kiến của gia đình và đại diện chính quyền địa phương xác nhận anh Phan Đình H là chồng chị Phan Thị S. Trao đổi qua điện thoại, anh Htrình bày thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như chị S đã trình bày. Vợ chồng sống cách xa nhau nhiều năm nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai thiếu sự quan tâm và chia sẽ với nhau, hiện tại, anh cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, nên chị S làm đơn ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn; Về con chung anh cũng thống nhất như trình bày của chị S vợ chồng có 03 con chung cháu Phan Đình H1, sinh ngày 10/5/2003, Phan Đình T, sinh ngày 06/10/2005, Phan Như B, sinh ngày 27/01/2018. Cháu Phan Đình H1 hiện đã trưởng thành có thể tự lo cuộc sống của mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phan Đình T và Phan Như B từ khi vợ chồng đi xuất khẩu lao động nước ngoài đến nay hai vợ chồng đã bàn bạc thống nhất giao hai cháu cho O Phan Thị H2 sống tại B, L chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, khi ly hôn anh thống nhất nội dung và đồng tình trình bày của chị S anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Đình T và Phan Như B, trong thời gian anh đang lao động tại Hàn Quốc hai cháu tiếp tục sống cùng O Phan Thị H2 tại Bảo Lộc, Lâm Đồng. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Phan Đình H trình bày thêm hiện tại anh đang lao động tự do tại Hàn Quốc do điều kiện công việc anh không thể về Việt Nam để trực tiếp

giải quyết việc ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt, anh đồng ý việc Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua người thân ở Việt Nam là bố mẹ đẻ ông Phan Đình S và bà Trần Thị L; địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Ông Phan Đình S, bà Trần Thị L cũng nhất trí nội dung anh Phan Đình H đã trình bày. Xét thấy, chị Phan Thị S và anh Phan Đình H đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án căn cứ quy định tại Điều 29, 361 Bộ luật tố tụng dân sự chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án *"Ly hôn"* thành *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* và căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tống đạt văn bản tố tụng cho anh H thông qua người thân là bố mẹ đẻ ông Phan Đình S và bà Trần Thị L.

[1.3] Anh Phan Đình H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Phan Đình H theo thủ tục chung.

[1.4] Anh Phan Đình H hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc không thể về Việt Nam, chị Phan Thị S có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ các Điều 205, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 43/TB – TA ngày 05/9/2022 về việc vụ việc không Hgiải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình theo đúng quy định pháp luật.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại các điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị S và anh Phan Đình H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn , vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì vợ chồng sống cách xa nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ nên tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại, chị S và anh H đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn , không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa chị S và anh H không đạt được mục đích đó,

mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).

Như vậy, chị Phan Thị S và anh Phan Đình H đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung cháu Phan Đình H1, sinh ngày 10/5/2003, Phan Đình T, sinh ngày 06/10/2005, Phan Như B, sinh ngày 27/01/2018. Cháu Phan Đình H1 hiện đã trưởng thành có thể tự lo cuộc sống của mình nên vợ chồng đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phan Đình T và Phan Như B hiện đang sống cùng O Phan Thị H2 tại B, L, khi ly hôn vợ chồng đều thống nhất giao hai cháu cho anh Phan Đình H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh Hđang lao động tại Hàn Quốc hai cháu Phan Đình T và Phan Như B tiếp tục sống cùng O Phan Thị H2 tại B, L. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, từ khi vợ chồng đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, hai cháu Phan Đình T, Phan Như B sống cùng O Phan Thị H2 tại B, L; được O chăm sóc, yêu thương các cháu đều phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần, hiện các cháu được ăn học đầy đủ và điều kiện sống đảm bảo. Hiện tại, anh Phan Đình H đang lao động tại nước ngoài chưa biết thời gian nào mới về lại Việt Nam; sau ly hôn chị S cũng có kế hoạch tiếp tục trở lại Suziman để lao động; hai cháu Phan Đình T, Phan Như B sống cùng O Phan Thị H2 lâu nay đã quen với điều kiện sống và ăn học. Trao đổi qua điện thoại được ghi âm, ghi hình trực tiếp với sự chứng kiến của ông bà nội và chính quyền địa phương các cháu cũng trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng O Phan Thị H2 sau khi bố mẹ ly hôn; O Phan Thị H2 cũng nhất trí nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu thay cho anh Phan Đình H khi anh đang lao động tại nước ngoài. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống thường ngày và đảm bảo điều kiện sống ổn định cho các cháu cần căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng về việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng các con chung như các đương sự đã trình bày. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến

mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn, nuôi con của chị Phan Thị S và anh Phan Đình H.

[3] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 146, 149, 361, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4, 6, 9, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị S và anh Phan Đình H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung cháu Phan Đình H1, sinh ngày 10/5/2003, Phan Đình T, sinh ngày 06/10/2005, Phan Như B, sinh ngày 27/01/2018. Cháu Phan Đình H1, hiện đã trưởng thành có thể tự lo cuộc sống của mình các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Phan Thị S và anh Phan Đình H: Giao con chung Phan Đình T, Phan Như B cho anh Phan Đình H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), trong thời gian anh Hđang lao động tại Hàn Quốc hai cháu Phan Đình T và Phan Như B tiếp tục sống cùng O Phan Thị H2 tại B, L. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Chị S có quyền đi lại thăm nom chăm sóc các con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Phan Thị S (đã nộp tại biên lai số 0000270 ngày 23/8/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trịnh Thị Thiện